

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HS-ST
Ngày: 23 - 5 - 2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc;

Thẩm phán: Ông Lê Thành Tân;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Hải Trung;

Bà Đặng Thị Hoàng Anh;

Ông Nguyễn Minh Tâm,

- Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Hồng Ngoan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Tâm- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đinh Thị Tuyết H**, sinh ngày 19/7/1990, tại tỉnh V.

Tên gọi khác: Ngọc

Nơi thường trú: ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh H; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: mua bán; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn L và bà Nguyễn Hồng T; có chồng Nguyễn Thanh L1 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền sự: không.

Tiền án: Ngày 19/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh H xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Đinh Thị Tuyết H: Ông Nguyễn Văn D – Văn phòng L2, Đoàn Luật sư tỉnh V (vắng mặt).

2/ Những người tham gia tố tụng:

- Bị hại: Nguyễn Thị Tuyết P, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1968 (có mặt).

2/ Ông Đinh Văn L, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1968 (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/5/2024).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh V.

3/Anh Nguyễn Thanh L1, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh H.

4/ Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đ .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/11/2018, Đinh Thị Tuyết H bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh H xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản. H được hoãn chấp hành án do nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Trong thời gian hoãn thi hành án H về sinh sống tại nhà ông L, bà T (cha mẹ ruột). Trong thời gian sinh sống tại nhà ông L, bà Thảo H1 đã quen biết với bà Nguyễn Thị Tuyết P giữa H1 và bà P có giao kết các hợp đồng vay tài sản nên tạo được sự tin tưởng của bà P từ đó H1 nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bà P, H1 đã đưa thông tin gian dối về bản thân giới thiệu với bà Phượng H2 là nhân viên của một Công ty bất động sản ở Thành phố H với chức danh Phó phòng được tham gia vào việc mua bán các dự án bất động sản để chuyển nhượng lại cho Công ty N1 có lợi nhuận cao.

Ngày 29/3/2021, H2 liên lạc với bà P, H2 đưa ra thông tin Công ty bất động sản nơi H2 công tác có mua đất để thực hiện dự án xây dựng nhà xưởng tại số B, phường L, huyện N, Thành phố H đã được nhà đầu tư Nhật Bản nhận chuyển nhượng lại. Do H2 có thành tích cực trong công tác nên H2 được “Sếp” của H2 là Trần Văn K có cho H2 một suất đầu tư số tiền 500.000.000 đồng, H2 kêu gọi bà P cùng hùn vốn với H2 khoảng một tháng sau chuyển nhượng lại có lợi nhuận khoảng 1.600.000.000 đồng. Tin tưởng H2, bà P đã chuyển khoản cho H2 số tiền 460.000.000 đồng (ngày 30/3/2021, chuyển khoản 200.000.000 đồng; ngày 31/3/2021 chuyển khoản 200.000.000 đồng; ngày 01/4/2021 chuyển khoản 60.000.000 đồng). Với ý thức muốn tiếp tục chiếm đoạt tài sản của bà P trong các ngày 15/4/2021; ngày 16/4/2021 H2 tiếp tục đưa ra thông tin số tiền bà P đầu tư cùng H2 đã có lợi nhuận, H2 sẽ dùng số tiền này để đầu tư tiếp với lợi nhuận cao hơn hứa hẹn ngày 24/4/2021 sẽ thực hiện chứng thực hợp đồng chuyển nhượng lợi nhuận sẽ đến chục tỷ đồng. H2 tiếp tục đưa ra thông tin cần tiền để lo thủ tục chuyển nhượng dự án nên yêu cầu bà P chuyển cho H2 số tiền 200.000.000 đồng (bà P chuyển khoản cho H2 213.000.000 đồng sau đó H2

chuyển khoản trả lại cho bà P số tiền 13.000.000 đồng). Tiếp theo H2 đưa thông tin hồ sơ chuyển nhượng cần nộp ở cơ quan Nhà nước, cần tiền để đóng thuế, nộp phí nên đề nghị bà P tiếp tục chuyển tiền cho H2 để H2 lo thủ tục chuyển nhượng dự án xong thì mới thu được lợi nhuận nên ngày 02/5/2021; ngày 19/5/2021 bà P đã chuyển khoản cho H2 số tiền 86.000.000 đồng với hứa hẹn sau khi hoàn thành các thủ tục chuyển nhượng bà P sẽ được chia lợi nhuận 18.000.000.000 đồng, sẽ giao tiền cho bà P. Qua thời gian hứa hẹn do H2 không chia tiền lợi nhuận, bà P liên lạc với H2 để đòi lại số tiền đầu tư, lợi nhuận thì H2 cho bà P biết Công ty “bị bế hợp đồng” phải bồi thường, thậm chí đi tù....Sau đó, bà P biết bị H2 lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đã tố cáo hành vi của H2.

Trong quá trình điều tra H2 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Số tiền bị cáo chiếm đoạt của bà P là 746.000.000 đồng H2 sử dụng tiêu xài cá nhân, trả các khoản đầu tư trước đó của H2.

Bà Nguyễn Thị Tuyết P cho rằng do tin tưởng H2, khi H2 kêu gọi bà P hùn vốn đầu tư mua đất dự án chuyển nhượng lại với lợi nhuận cao. Bà P đã nhiều lần chuyển khoản cho H2 số tiền 746.000.000 đồng, ngoài ra bà P còn đưa cho H2 số tiền trực tiếp 460.000.000 đồng có sự bảo lãnh của ông L, bà T (cha, mẹ H2). Bà P yêu cầu ông L, bà T và H2 phải trả bà P số tiền 1.206.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn M xác định việc bà P hùn vốn đầu tư với H2 thời gian đầu bà P không cho ông biết. Sau đó, bà P có cho ông M biết, ông M có chở bà P đến nhà ông L, bà T để giao tiền cho ông L, bà T và H2 tại nhà ông L, bà T.

Ông Đinh Văn L, bà Nguyễn Hồng T xác định việc H2 và bà P hùn vốn để đầu tư chuyển nhượng đất như thế nào ông L, bà T không biết. Sau khi bà P chuyển tiền cho H2, bà P, ông M có đến nhà để yêu cầu H2 viết biên nhận nhận tiền, H2 có kêu ông L, bà T ký tên thì ông L, bà T ký tên, không có nhận tiền của bà P.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu: Ngày 23/02/2023 thu, giữ của H2 một điện thoại di động Iphone 12Promax màu xanh đã qua sử dụng.

Tại Bản cáo trạng số: 20/CT-VKSVL-P1 ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V đã truy tố bị cáo Đinh Thị Tuyết H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- *Bị cáo H trình bày*: Bản thân bị cáo không làm việc cho Công ty K1 tại Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo đã đưa thông tin gian dối bị cáo là nhân viên của Công ty bất động sản được tham gia vào dự án của Công ty, được Công ty cho suất đầu tư với chính sách ưu đãi của Công ty để đầu tư sau đó thu lợi nhuận cao để kêu gọi bà P hùn vốn đầu tư cùng bị cáo, bị cáo sẽ chia lợi nhuận cao cho bà P. Bà P tin tưởng nên đã chuyển khoản cho bị cáo số tiền 746.000.000 đồng, bị cáo sử dụng số tiền đã nhận của bà P để tiêu xài, trả nợ cá nhân.

- Bị hại Nguyễn Thị Tuyết P trình bày: Do tin tưởng bị cáo H là nhân viên Công ty đầu tư bất động sản nên khi được H kêu gọi bà P đã cùng với bị cáo đầu tư dự án mua đất để chuyển nhượng lại có lợi nhuận cao, bà P đã chuyển khoản tiền hùn chuyển nhượng đất với bị cáo H nhiều lần với số tiền 746.000.000 đồng.

+ Về trách nhiệm hình sự: bà P xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự: bà P yêu cầu bị cáo trả bà P số tiền còn lại 366.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

+ Bà Nguyễn Hồng T (đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông Đinh Văn L) trình bày: Ngày 20/5/2024, bị cáo đã tác động bà T, ông L bồi thường khắc phục thiệt hại cho bà P số tiền 380.000.000 đồng; bà T, ông L không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 380.000.000 đồng cho bà T, ông L.

+ Ông Nguyễn Văn M trình bày: ông M thống nhất với ý kiến trình bày của bà P.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Đinh Thị Tuyết H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đề nghị xử phạt bị cáo Đinh Thị Tuyết H: 12 năm đến 13 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà P số tiền: 366.000.000 đồng.

Về vật chứng: Một điện thoại di động Iphone 12Promax màu xanh đã qua sử dụng là tài sản cá nhân của bị cáo nên trả lại cho bị cáo nhưng đề nghị, giữ lại để đảm bảo cho việc thi hành án.

Về án phí: bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 18.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các

hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Do quen biết với bị hại P, bị cáo đã đưa thông tin gian dối về bản thân bị cáo làm việc tại Công ty K1 tại Thành phố H do trong công tác bị cáo làm việc có hiệu quả nên được Công ty U cho hùn vốn đầu tư vào Công ty với số tiền 500.000.000 đồng, bị cáo đã kêu gọi bà P hùn vốn với bị cáo số tiền 460.000.000 đồng, khoảng một tháng sau sẽ chia cho bà P tiền vốn và tiền lãi 1.840.000.000 đồng. Để tạo sự tin tưởng của bà P, bị cáo đã thuê người chạy xe honda khách, bảo vệ (không biết họ, tên, địa chỉ nơi cư trú) viết những biên nhận với nội dung: Trần Văn K có nhận của bị cáo số tiền 500.000.000 đồng trong tổng số vốn đầu tư 100.347.000.000 đồng tại khu dự án xây dựng xưởng may hiệu JMH073Be tọa lạc tại 274 xã L, huyện N, thành phố H và chụp hình nội dung biên nhận gửi cho bà P. Sau đó, bị cáo đã đưa ra những thông tin gian dối với bà P việc đầu tư đã được chia lợi nhuận nhưng bị cáo không chia tiền cho bà P mà dùng số tiền lợi nhuận có được tiếp tục đầu tư nếu thành công sẽ chia lợi nhuận khoảng 18.000.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo đưa ra thông tin cần tiền để thực hiện thủ tục chuyển nhượng dự án, nếu không thì sẽ mất tiền đầu tư, bị cáo yêu cầu bà P chuyển tiền nhiều lần cho bị cáo số tiền 286.000.000 đồng. Cũng với thủ đoạn thuê người chạy xe honda khách, bảo vệ (không biết họ, tên, địa chỉ nơi cư trú) viết những biên nhận với nội dung: Ngày 03/5/2021, Nguyễn Tâm H3 đã giao ông Huỳnh Hòa T1 số tiền 100.000.000 đồng để làm thủ tục chuyển nhượng đất, T1 cam kết ngày 11/5/2021 hồ sơ của anh K sẽ đóng thuế; Tờ ủy quyền tài khoản bị cáo có số tiền 79.000.000.000 đồng, thông báo số dư tài khoản của bị cáo tại Ngân hàng chụp hình gửi cho bà P để tạo sự tin tưởng cho bà P. Bị cáo đã chiếm đoạt của bà P số tiền 746.000.000 đồng, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm trực tiếp đến khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ là quyền sở hữu của người khác về tài sản. Trong khi mọi người đang tích cực lao động sản xuất tạo ra của cải vật chất cho mình và góp phần làm giàu cho xã hội, thì bị cáo lại làm ngược lại, muốn có tài sản để sử dụng cho lợi ích cá nhân nhưng lại không lao động sản xuất để có thu nhập hợp pháp, mà lợi dụng sự tin tưởng của người khác để chiếm đoạt tài sản của họ làm của riêng mình để tiêu xài, gây mất trật tự xã hội ở địa phương, đi ngược lại Chủ trương của Đảng và Nhà nước về cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống Văn hoá ở khu dân cư. Vì thế, cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt nghiêm trọng xứng với tính chất, mức độ đối với hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Ngày 19/11/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh H xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản (bị cáo được hoãn chấp hành án do nuôi con dưới 36 tháng tuổi). Trong thời gian được hoãn chấp hành án bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của bị

hại P đây là tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ Luật Hình sự: Tái phạm.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 380.000.000 đồng là các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự. Ngoài ra, tại phiên tòa bà P yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo phải nuôi 02 con còn nhỏ là các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà P số tiền còn lại 366.000.000 đồng .

Đối bà Nguyễn Hồng T, ông Đinh Văn L đã tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo số tiền 380.000.000 đồng, bà T, ông L không yêu cầu bị cáo hoàn trả cho bà T, ông L nên không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Một điện thoại di động Iphone 12Promax màu xanh đã qua sử dụng, bị cáo đã sử dụng điện thoại để thông tin liên lạc nhận tiền, thông báo kết quả nhận tiền, đưa các thông tin như các biên nhận, giấy nhận tiền do bị cáo viết để gửi cho bị hại, tạo sự tin tưởng của bị hại để bị hại chuyển tiền cho bị cáo nên đây là phương tiện phạm tội nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[7] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận một phần.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đinh Thị Tuyết H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1/ Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 56; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Đinh Thị Tuyết H 11 (Mười một) năm tù.

Tổng hợp hình phạt 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù theo Bản án số: 31/2018/HS-ST, ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh H bị cáo Đinh Thị Tuyết H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 13 (Mười ba) năm 06 (S) tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày 23 tháng 02 năm 2023.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bà Nguyễn Thị Tuyết P số tiền 366.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3/ Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước một điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh của bị cáo Đinh Thị T2 đang do Cơ quan Cục Thi hành án dân sự tỉnh V quản lý (theo biên bản về việc giao nhận vật chứng ngày 26/02/2024).

4/ Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3.1/ Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) đồng.

3.2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo nộp 18.300.000 đồng (Mười tám triệu ba trăm nghìn) đồng .

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết nơi đương sự cư trú./.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKS TVL: 02;
- THADS TVL: 02;
- THAHS TVL: 01;
- STP: 01;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

- VPĐT CAVL: 01;
- PHÒNG HỒ SƠ CAVL: 01;
- TG + BC: 02;
- UBND, CA thị trấn Cái Tắc: 02;
- Lưu VP, P.KTNV: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

Đặng Duy Mỹ Ngọc

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lành

Đặng Duy Mỹ Ngọc

Nguyễn Hữu Thanh

Nguyễn Thanh Trang